

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và công tác bảo tồn, phát triển làng nghề giai đoạn 2011-2020

(Kèm theo Công văn số 793 /SNN-PTNT ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thi hành các chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Xây dựng và ban hành các đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề
3. Công tác quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn, làng nghề ở địa phương: Thanh tra, kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN VÀ CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ

1. Thực trạng phát triển ngành nghề nông thôn (Chi tiết theo phụ biểu 1).

- Số lượng, cơ cấu nhóm ngành nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP;
- Tổng số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, Hộ gia đình) tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn
- Tình hình sản xuất kinh doanh: Giá trị sản xuất, kim ngạch xuất khẩu, thu nhập bình quân/lao động/tháng.
- Tổng số lao động, số lao động thường xuyên...

2. Thực trạng phát triển làng nghề (Chi tiết theo phụ biểu 2).

- Số lượng; cơ cấu làng nghề, làng nghề truyền thống;
- Số cơ sở sản xuất kinh doanh theo các hình thức tổ chức: (Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình);
- Tổng số lao động, số lao động thường xuyên, số nghệ nhân được công nhận;
- Tình hình sản xuất kinh doanh: Giá trị sản xuất, thu nhập bình quân/lao động/tháng;
- Số làng nghề đã sản xuất theo chuỗi giá trị;
- Số làng nghề có sản phẩm OCOP (đã được chứng nhận theo phân loại sao OCOP);
- Đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu làng nghề;

- Địa điểm hoạt động (cụm công nghiệp hay trong khu dân cư);
- Hạ tầng làng nghề (phân loại chất lượng);
- Trang thiết bị, công nghệ (tỷ lệ % áp dụng công nghệ hay thủ công);
- Thực trạng môi trường làng nghề...

3. Thực trạng công tác bảo tồn nghề, làng nghề (Chi tiết theo phụ biểu 3, 4).

Đánh giá các hoạt động đã thực hiện để bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề theo các nội dung: Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề tại Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Nội dung số 05 Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 13 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. Trong đó tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Kết quả lập danh mục, công nhận nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống cần được bảo tồn lâu dài;
- Khôi phục, bảo tồn các nghề, làng nghề truyền thống từ lâu đời đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền.
- Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới: việc xây dựng các tuyến, điểm du lịch gắn với làng nghề, cải thiện cơ sở hạ tầng kết hợp bảo vệ môi trường du lịch sinh thái.
- Phát triển làng nghề mới, mỗi làng nghề, mỗi xã một sản phẩm gắn với chương trình OCOP.
- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề: xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm làng nghề; tiêu thụ sản phẩm.
- Đầu tư phát triển sản phẩm mới, công nghệ sản xuất; cơ sở hạ tầng, mặt bằng sản xuất cho làng nghề. Đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

- Vai trò của các Hội, hiệp hội trong bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.
- Kết quả thực hiện vốn đầu tư hỗ trợ: Tổng kinh phí, nguồn vốn.

4. Tồn tại và nguyên nhân

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Phương hướng phát triển.

- Danh mục các nghề, làng nghề cần bảo tồn và phát triển phân theo giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 (Chi tiết theo phụ biểu 5);
- Nhiệm vụ để bảo tồn, phát triển các nghề, làng nghề truyền thống;
- Nhiệm vụ để bảo tồn, phát triển các nghề, làng có nghề lâu đời có nguy cơ mai một, thất truyền (Các nghề, làng nghề có tính chất đặc thù, không đáp ứng được tiêu chí nghề, làng nghề truyền thống);
- Nhiệm vụ để phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới;
- Nhiệm vụ để phát triển các nghề, làng nghề mới;
- Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên; vốn và nguồn vốn đầu tư theo giai đoạn 2021-2025 và 2026 – 2030 (Chi tiết theo phụ biểu 6, 7).

2. Các giải pháp chủ yếu

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ /tháng)	Tổng số lao động thuộc ngành nghề nông thôn (người)			Tổng số cơ sở SXKD ngành nghề nông thôn			
				Tổng số lao động trong làng nghề	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
					Lao động thường xuyên	Chuyên gia có tay nghề cao				
	xuất ngành nghề nông thôn									
4	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ									
5	Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh									
6	Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn									
7	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn									

Lưu ý: (1) Số liệu thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018; Năm 2011 các nhóm ngành nghề theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 66/2006/NĐ-CP; Năm 2019, 2020 các nhóm ngành nghề quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ /tháng)	Tổng số lao động thuộc ngành nghề nông thôn (người)			Tổng số cơ sở SXKD ngành nghề nông thôn			
				Tổng số lao động trong làng nghề	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
					Lao động thường xuyên	Nghệ nhân đã được công nhận				
4	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ									
5	Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh									
6	Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn									
7	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn									

Lưu ý: (2) Số liệu thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018;

Năm 2011 các nhóm ngành nghề theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 66/2006/NĐ-CP;

Năm 2019, 2020 các nhóm ngành nghề quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

Phụ biểu 3

**DANH MỤC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẾN NĂM 2020**

TT	Làng nghề/ làng nghề truyền thống/ Nghề truyền thống	Địa chỉ (xã, huyện)	Năm công nhận	Nhóm ngành nghề	Thông tin Làng nghề/ Làng nghề TT/ Nghề TT					Tình trạng Làng nghề/ Làng nghề TT/ Nghề TT			
					Có hệ thống xử lý môi trường	Làng nghề trong cụm CN	Làng nghề có sản phẩm đăng ký thương hiệu	Làng nghề có sản phẩm OCOP đạt sao	Làng nghề gắn với du lịch	Hoạt động tốt	Hoạt động kém, cần chuyển đổi nghề	Hoạt động cầm chừng	Nguy cơ mai một
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Làng nghề												
1													
2													
...													
II	Làng nghề truyền thống												
1													
2													
...													
III	Nghề truyền thống												
1													
2													
...													

Lưu ý: Mục (5): Đánh số thứ tự theo 7 nhóm hoạt động ngành nghề được quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP
Từ mục (6) đến (14) đánh dấu "x"

Phụ biểu 5

DANH MỤC CÁC NGHỀ, LÀNG NGHỀ CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên nghề/ làng nghề/nghề truyền thống	Địa chỉ (xã, huyện)	Nghề/ Làng nghề/ Làng nghề TT đã được công nhận hay chưa?			Giai đoạn		Lý do bảo tồn
			Chưa	Có	Năm công nhận	2021-2025	2026-2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Làng nghề							
1								
2								
...								
II	Làng nghề truyền thống							
1								
2								
...								
III	Nghề truyền thống							
1								
2								
...								

Lưu ý: Mục (4), (5), (7), (8) đánh dấu "x"

Phụ biểu 6

**ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ
ĐẾN NĂM 2030**

TT	Tên danh mục dự án	Địa điểm (xã, huyện)	Giai đoạn		Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)		
			2021-2025	2026-2030		NSTW	NSDP	Vốn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG SỐ							
I	Làng nghề							
1								
2								
...								
II	Làng nghề truyền thống							
1								
2								
...								
III	Nghề truyền thống							
1								
2								
...								

Lưu ý: Mục (4) và (5) đánh dấu "x"

